| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CAI LẬY**<br>**TỈNH TIỀN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 94/2019/HNGĐ-ST
Ngày 16/8/2019
V/v "Tranh chấp ly hôn"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

- ***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán chủ tọa phiên tòa*: Ông Hà Văn Phúc.
- ***Các Hội thẩm nhân dân:***
1. Ông Huỳnh Văn Thanh;
2. Ông Nguyễn Văn Tư.
- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Huỳnh Thị Thùy Trang – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy.

Ngày 16 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cai Lậy mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 149/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2019 về việc: "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2019/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2019/QĐST-HNGĐ ngày 24/7/2019, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn: M Th X Ph, sinh năm: 1994. Địa chỉ:* ấp *2, xã PC, huyện CL, tỉnh TG (có mặt);*

*2. Bị đơn: H V L, sinh năm: 1992. Địa chỉ: ấp 3, xã TL, huyện CL, tỉnh TG (vắng mặt);*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**** Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ghi ngày 04/3/2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:***

Chị và anh H V L chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn từ năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện CL, tỉnh TG. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc nhưng đến khoảng cuối năm 2016 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, do anh L không quan tâm chăm lo gì đến vợ con, không lo làm ăn mà thường xuyên cờ bạc gây nợ ở bên ngoài. Chị đã kiên nhẫn chịu đựng và nhiều lần cho anh L cơ hội sửa đổi phụ đi làm kiếm tiền trả nợ cho anh L nhưng anh L vẫn không sửa đổi, không bỏ cờ bạc và tiếp tục gây nợ làm khổ vợ con dẫn đến mâu thuẫn ngày

càng gay gắt nên vợ chồng ly thân nhau từ khoảng tháng 02 năm 2017 đến nay. Nhận thấy mâu thuẩn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: xin ly hôn với anh L;

- Về con chung: Có 01 con chung tên H Q L, sinh ngày 17/02/2013. Chị yêu cầu tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

- Về cấp dưỡng: Chưa yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

***** Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn, đơn khởi kiện, bản tự khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh L vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Ph.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Xét thấy chị Ph và anh L chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là vợ chồng, nay chị Ph xin ly hôn với anh L nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy bị đơn anh H V L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh L theo quy định tại khoản 1, 2, Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu của các bên đương sự: Tại phiên tòa chị Ph giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, Hội đồng xét xử nhận thấy:

3.1. Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị Ph và anh L chung sống và có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa hai người không còn khả năng đoàn tụ do anh, chị chung sống không hạnh phúc, vợ chồng đã ly thân hơn 02 năm nay. Tại phiên tòa chị Ph cương quyết xin ly hôn với anh L. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để hàn gắn mâu thuẩn cho các bên nhưng anh L vắng mặt không lý do và không có văn bản trình bày ý kiến điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Ph.

3.2. Về con chung: Xét thấy con chung đang sống chung với chị Ph, hiện tại cuộc sống sinh hoạt đã ổn định và chị Ph cũng có nguyện vọng tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Ph.

3.3. Về cấp dưỡng: Chị Ph chưa yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Ph phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về việc quy định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 1, 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị M Th X Ph.

1. Về hôn nhân: Cho chị M Th X Ph được ly hôn với anh H V L.

2. Về con chung: Giao con chung tên H Q L, sinh ngày 17/02/2013 cho chị Ph tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh L được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

3. Về cấp dưỡng: Không xem xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

5. Về án phí: Chị Ph phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 16542 ngày 28/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên chị Ph đã nộp xong án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

*<u>Nơi nhận</u>:*
*- TAND tỉnh TG;*
*- VKSND huyện CL;*
*- THADS huyện CL;*
*- UBND xã Thạnh Lộc;*
*- Các đương sự;*
*- Lưu;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hà Văn Phúc